



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN - chi NSDP năm 2019

(Tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh)

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2019 được triển khai trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội cơ bản ổn định và tiếp tục có bước phát triển; tuy nhiên, phát triển kinh tế vẫn còn tồn tại một số khó khăn, thách thức (một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng trưởng chậm lại; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên diện rộng,...) tác động xấu đến phát triển kinh tế - xã hội, từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Với sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2019 cơ bản theo đúng dự toán, tiến độ triển khai thực hiện và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN năm 2019 là 26.642.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 27.358.807 triệu đồng, đạt 103% dự toán.

1. Thu nội địa: Dự toán giao 15.542.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 17.453.597 triệu đồng, đạt 112% dự toán.

1.1. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán tỉnh giao là 4.000.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 5.131.000 triệu đồng, đạt 128% dự toán.

Phần điều tiết NS tỉnh (sau khi loại trừ số ghi thu, ghi chi) 11 tháng là 422 tỷ đồng, đạt 84% dự toán, dự kiến cả năm đạt 600 tỷ đồng, đạt 120% dự toán.

1.2. Thu xổ số kiến thiết: Dự toán thu năm 2019 là 12.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 17.500 triệu đồng, đạt 146% dự toán.

1.3. Ghi thu ghi chi tiền thuê đất trả tiền một lần (Dự án nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và các dự án khác): Dự kiến thực hiện là 700.000 triệu đồng.

1.4. Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số, ghi thu ghi chi tiền thuê đất:

Dự toán giao thu 11.530.000 triệu đồng, ước thực hiện cả năm là 11.605.097 triệu đồng, đạt 101% dự toán.

a) Có 8/13 lĩnh vực dự kiến đạt, vượt dự toán. Cụ thể như sau:

-Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Ước thực hiện cả năm là 1.840.000 triệu đồng, đạt 127% dự toán.

-Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện cả năm là 753.310 triệu đồng, đạt 122% dự toán.

-Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện cả năm là 791.050 triệu đồng, đạt 113% dự toán.

-Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện cả năm là 306.412 triệu đồng, đạt 102% dự toán.

-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện cả năm là 51.368 triệu đồng, đạt 128% dự toán.

-Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện cả năm là 174.921 triệu đồng, đạt 206% dự toán.

-Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện cả năm là 339.689 triệu đồng, đạt 131% dự toán.

-Thu khác: Ước thực hiện cả năm là 500.000 triệu đồng, đạt 132% dự toán.

b) Có 5/13 lĩnh vực dự kiến khó có khả năng hoàn thành dự toán năm:

-Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện cả năm là 3.428.005 triệu đồng, đạt 84% dự toán. Nguyên nhân số thu đạt thấp so với dự toán do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn gặp sự cố mất điện vào tháng 3/2019 dẫn đến ngừng sản xuất 30 ngày, đồng thời Công ty có kế hoạch bảo trì nhà máy trong tháng 11 và 12/2019 dẫn đến số thu nộp ngân sách giảm (dự kiến cả năm thu được 2.717 tỷ đồng, đạt 80% so với dự toán giao, hụt thu 663 tỷ đồng).

-Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước thực hiện cả năm là 101.450 triệu đồng, đạt 63% dự toán. Nguyên nhân số thu đạt thấp so với dự toán chủ yếu do Công ty TNHH 1 thành viên thủy điện Trung Sơn chuyển loại hình sang DNNN trung ương.

-Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện cả năm là 1.292.552 triệu đồng, đạt 89% dự toán. Nguyên nhân số thu đạt thấp so với dự toán do Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn kê khai thuế bảo vệ môi trường của dầu diesel và dầu mazut giảm theo cam kết của Chính phủ đối với ưu đãi về thuế của DA nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn. UBND tỉnh đã có công văn số 14063/UBND-KTTC ngày 17/10/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính có văn bản yêu cầu Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn kê khai và nộp thuế bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

-Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ước thực hiện cả năm là 1.912.840 triệu đồng, đạt 98% dự toán. Nguyên nhân số thu đạt thấp do một số doanh nghiệp lớn nộp ngân sách đạt thấp so với cùng kỳ: Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hóa (nộp NSNN 10 tháng là 16,8 tỷ đồng, giảm 43,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do Công ty tiếp nhận thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ khi Dự án đầu tư nhà máy từ Công ty mẹ là 332 tỷ đồng); Công ty TNHH Long Sơn tại Ninh Bình (nộp thuế tài nguyên 10 tháng 30,8 tỷ

đồng, giảm 39,2 tỷ so cùng kỳ); Công ty CP xi măng Công Thanh (nộp NSNN 10 tháng được 32,9 tỷ đồng, giảm 25,2 tỷ đồng so cùng kỳ);...

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ước thực hiện cả năm là 100.000 triệu đồng, đạt 95% dự toán. Số thu đạt thấp do diện tích đất công ích ngày càng thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng; nguồn thu sự nghiệp bị giảm do chuyển đổi mô hình quản lý chợ cho các doanh nghiệp quản lý.

2. Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự toán thu năm 2019 là 11.100.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 9.905.210 triệu đồng, đạt 89% dự toán. Kết quả thu chủ yếu do nhập khẩu dầu thô phục vụ dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, vải và phụ kiện may mặc; trong đó số chuyển dầu thô nhập khẩu còn 27 chuyến, giảm 2 chuyến so với kế hoạch ban đầu (dự kiến cả năm thu được 8.119 tỷ đồng, đạt 94% so với dự toán giao, hụt thu 493 tỷ đồng).

3. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:

- Dự toán thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 10.974.089 triệu đồng, trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 5.134.656 triệu đồng, ngân sách cấp huyện, xã là 5.839.433 triệu đồng.

- Ước thực hiện cả năm: 13.526.660 triệu đồng, đạt 123% dự toán, trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 6.317.767 triệu đồng, ngân sách cấp huyện, xã là 7.208.893 triệu đồng; tăng thu 2.552 tỷ đồng ở cả 3 cấp ngân sách, nếu loại trừ tiền sử dụng đất, xổ số, ghi thu ghi chi thì thực tăng 716 tỷ đồng chủ yếu ở cấp huyện xã.

(Chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo)

4. Tình hình thu ngân sách ở các huyện, thị xã, thành phố:

Tổng thu ngân sách khối huyện ước cả năm là 8.255.338 triệu đồng, bằng 123% dự toán. Dự kiến 26/27 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành dự toán thu ngân sách trên địa bàn; còn lại 01 huyện dự kiến khó hoàn thành dự toán (Nhu Xuân).

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo)

5. Đánh giá chung tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2019

5.1. Thuận lợi:

a) Tình hình kinh tế xã hội và công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển. Đa số các sản phẩm công nghiệp chủ lực đều có sản lượng tăng so với cùng kỳ, nhất là sản phẩm từ nhà máy Lọc Hóa dầu Nghi Sơn; sản xuất tiểu thủ công nghiệp được duy trì, phát triển, nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được mở rộng sản xuất, như: chế biến hải sản, mây giang xiên....

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thu ngân sách, huy động được sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp vào công tác quản lý thu: Đề án giám sát doanh nghiệp có hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 14/12/2018; Kế hoạch số

79/KH-UBND ngày 09/4/2018 chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, tập trung vào một số ngành như: nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/5/2019 về việc tập trung thực hiện một số giải pháp đảm bảo hoàn thành vượt mức thu NSNN năm 2020 và những năm tới;.... Do đó, đã góp phần huy động kịp thời, đầy đủ các khoản thu vào NSNN.

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trọng điểm có nhiều chuyển biến tích cực

Một số doanh nghiệp nộp ngân sách trọng điểm, chủ lực của tỉnh (bia, thuốc lá, xi măng) đã thực hiện các điều chỉnh về cơ cấu hàng hóa, khai thác thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, tăng số thu nộp vào NSNN.

5.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Dự kiến số thu từ dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn khó hoàn thành dự toán do gặp sự cố mất điện vào tháng 3/2019 dẫn đến ngừng sản xuất 30 ngày, đồng thời nhà máy có kế hoạch bảo trì trong tháng 11 và tháng 12/2019 và kê khai thuế bảo vệ môi trường của dầu diesel và dầu mazut giảm theo cam kết của Chính phủ đối với ưu đãi về thuế của Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn (GGU).

- Số tiền sử dụng đất đến hạn còn phải nộp NSNN của các dự án đầu tư giá đất, giao đất cho tổ chức doanh nghiệp còn lớn (Dự án khu dịch vụ thương mại văn phòng và dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa; Dự án khu đô thị Núi Long; Dự án Khu đô thị sinh thái biển Đông Á Sầm Sơn;...).

- Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là các loại nguyên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất xuất khẩu và hàng gia công cho thương nhân nước ngoài thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT; máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư được miễn thuế nhập khẩu..., không có mặt hàng tiêu dùng có thuế suất cao và không phát sinh mặt hàng mới, doanh nghiệp mới nên số thu NS từ hoạt động xuất nhập khẩu hằng năm không có sự gia tăng đột biến.

II. Về chi ngân sách địa phương năm 2019

1. Kết quả thực hiện

Tổng chi NSDP ước thực hiện cả năm là 33.050.697 triệu đồng, đạt 109% so với dự toán (tăng 9% do thực hiện các chính sách, chương trình được chuyển nhiệm vụ chi từ năm trước sang, nguồn Trung ương bổ sung trong năm và tăng huy động nguồn thu từ đất để chi đầu tư phát triển).

Chi tiết từng lĩnh vực như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện cả năm là 6.888.372 triệu đồng, đạt 126% dự toán giao đầu năm.

1.2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện cả năm là 22.009.100 triệu đồng, đạt 105% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Ước thực hiện cả năm là 2.952.383 triệu đồng, đạt 135% dự toán.

- Chi sự nghiệp GD-ĐT dạy nghề: Ước thực hiện cả năm là 9.069.898 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

- Chi sự nghiệp y tế: Ước thực hiện cả năm là 2.558.561 triệu đồng, đạt 101% dự toán.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Ước thực hiện cả năm là 1.588.214 triệu đồng, đạt 107% dự toán.

- Chi quản lý hành chính: Ước thực hiện cả năm là 3.772.376 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

1.3. Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu cho NSDP: Ước thực hiện cả năm là 3.557.925 triệu đồng, bằng 103% so với dự toán.

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3.230 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

(Có biểu chi tiết số 3 kèm theo)

2. Chương trình đầu tư xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh

Năm 2018, để đảm bảo tiến độ thanh toán kinh phí đầu tư dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về phương án phân kỳ bố trí vốn cho Dự án và nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, không thực hiện chuyển nguồn ngân sách qua nhiều năm, Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh giảm nguồn vốn thực hiện Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh 335.421 triệu đồng (nguồn năm 2017 chuyển sang 2018) để bố trí thanh toán cho Dự án.

Năm 2019, để đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về quyết định chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Tổng nguồn vốn năm 2019 là 923 tỷ đồng; dự kiến thực hiện 723 tỷ đồng, đạt 78% nguồn vốn; vốn còn lại khoảng 200 tỷ đồng còn phải chuyển năm sau (nguyên nhân do đây là nội dung mới, đòi hỏi các ngành tham gia nghiên cứu kỹ, tiến hành các bước lập, thẩm định dự án thận trọng nên tiến độ triển khai một số dự án còn chậm).

3. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề cấp bách trên địa bàn tỉnh. Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2019 là 338.724 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2019 là 338.641 triệu đồng. Các nhiệm vụ chi chủ yếu: Thực hiện công tác ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi; hỗ trợ các hộ sản xuất do lợn mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn châu Phi; tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019 và các năm trước....

(Chi tiết theo phụ biểu 4 đính kèm)

4. Đánh giá tình hình thực hiện chi NSDP năm 2019

4.1. Kết quả đạt được

- Chi đầu tư phát triển:

Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCB trong cân đối cho các dự án đủ điều kiện giao vốn, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án.

- Chi thường xuyên:

Chi ngân sách được tổ chức quản lý chặt chẽ và theo đúng các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã được ban hành. Các ngành, các cấp đã triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành.

Đối với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội: thực hiện giao ngay trong dự toán đầu năm để các địa phương chủ động thực các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn.

Đối với việc thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội: các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế (chính sách hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm công ích thủy lợi; chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi...) được phân bổ chi tiết ngay từ dự toán đầu năm, tạo điều kiện cho các cấp, các ngành chủ động thực hiện chính sách, hỗ trợ phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4.2. Hạn chế, khó khăn

- Một số Chương trình, chính sách đã ghi trong dự toán đầu năm nhưng tiến độ triển khai còn chậm, như: Chương trình đầu tư xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh; chính sách hỗ trợ các địa phương xử lý rác thải sinh hoạt theo công nghệ đốt.

- Nhu cầu kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch lở mồm long móng, tai xanh và dịch tả lợn Châu Phi lớn, nhưng do nguồn dự phòng ngân sách các cấp mỏng nên trong năm tỉnh đã phải chi từ nguồn Quỹ dự trữ tài chính để kịp thời hỗ trợ thiệt hại cho các hộ sản xuất, số tiền 137 tỷ đồng.

5. Tình hình sử dụng Quỹ dự trữ tài chính

- Số dư tại thời điểm 31/12/2018: 232.694 triệu đồng.
- Bổ sung trong năm 2019: 2.562 triệu đồng.
- Sử dụng trong năm: 137.457 triệu đồng.
- Số dư đến ngày 30/11/2019: 100.799 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 5 kèm theo)

Nhìn chung, hoạt động tài chính - ngân sách cả năm đã cơ bản đáp ứng được dự toán giao, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM				TĂNG, GIẢM SO DỰ TOÁN				SO SÁNH ƯỚC CẢ NĂM VỚI DT (%)
		TỔNG SỐ	TĐ: THU NSDP			TỔNG SỐ	TĐ: THU NSDP			TỔNG SỐ	TĐ: THU NSDP			
			TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ		TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ		TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.642.000	10.974.089	5.134.656	5.839.433	27.358.807	13.526.660	6.317.767	7.208.893	716.807	2.552.571	1.183.111	1.369.460	103%
	Thu nội địa trừ tiền SDD, xổ số, GTGC tiền thuê đất	11.530.000	6.962.089	4.622.656	2.339.433	11.605.097	7.678.160	4.883.267	2.794.893	75.097	716.071	260.611	455.460	101%
I	Thu nội địa	15.542.000	10.974.089	5.134.656	5.839.433	17.453.597	13.526.660	6.317.767	7.208.893	1.911.597	2.552.571	1.183.111	1.369.460	112%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.610.000	1.610.000	1.610.000		1.941.450	1.941.450	1.873.193	68.257	331.450	331.450	263.193	68.257	121%
-	Thu từ khu vực DNNN trung ương	1.450.000	1.450.000	1.450.000		1.840.000	1.840.000	1.776.513	63.487	390.000	390.000	326.513	63.487	127%
-	Thu từ khu vực DNNN địa phương	160.000	160.000	160.000		101.450	101.450	96.680	4.770	-58.550	-58.550	-63.320	4.770	63%
2	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	4.010.000	630.000	630.000		3.428.005	711.000	710.057	943	-581.995	81.000	80.057	943	85%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.950.000	1.950.000	958.312	991.688	1.912.840	1.912.840	865.396	1.047.444	-37.160	-37.160	-92.916	55.756	98%
4	Thuế thu nhập cá nhân	620.000	620.000	413.200	206.800	753.310	753.310	507.895	245.415	133.310	133.310	94.695	38.615	122%
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.460.000	543.100	543.100		1.292.552	481.576	481.576		-167.448	-61.524	-61.524		89%
6	Lệ phí trước bạ	700.000	700.000	87.600	612.400	791.050	791.050	96.739	694.311	91.050	91.050	9.139	81.911	113%
7	Thu phí, lệ phí	300.000	237.000	99.801	137.199	306.412	211.875	32.123	179.752	6.412	-25.125	-67.678	42.553	102%
8	Các khoản thu về nhà, đất	4.300.000	4.300.000	610.193	3.689.807	6.224.057	6.224.057	1.561.295	4.662.762	1.924.057	1.924.057	951.102	972.955	145%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	40.000	4.393	35.607	51.368	51.368	5.285	46.083	11.368	11.368	892	10.476	128%
-	Thu tiền sử dụng đất	4.000.000	4.000.000	500.000	3.500.000	5.131.000	5.131.000	917.000	4.214.000	1.131.000	1.131.000	417.000	714.000	128%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	260.000	260.000	105.800	154.200	1.039.689	1.039.689	639.009	400.680	779.689	779.689	533.209	246.480	400%
+	Ghi thu, ghi chi					700.000	700.000	500.000	200.000	700.000	700.000	500.000	200.000	
+	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước còn lại	260.000	260.000	105.800	154.200	339.689	339.689	139.009	200.680	79.689	79.689	33.209	46.480	131%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					2.000	2.000		2.000	2.000	2.000		2.000	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	57.000	21.906	35.094	174.921	95.631	37.315	58.316	89.921	38.631	15.409	23.222	206%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chi của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	10.000	10.000		11.500	11.500	11.500		1.500	1.500	1.500		115%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	12.000	12.000	12.000		17.500	17.500	17.500		5.500	5.500	5.500		146%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	105.000	105.000		105.000	100.000	100.000		100.000	-5.000	-5.000		-5.000	95%
13	Thu khác ngân sách	380.000	199.989	138.544	61.445	500.000	274.871	123.178	151.692	120.000	74.882	-15.366	90.247	132%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	11.100.000				9.905.210				-1.194.790				89%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM				TĂNG, GIẢM SO DỰ TOÁN				SỐ SÁNH ƯỚC CẢ NĂM VỚI DT (%)
		TỔNG SỐ	TĐ: THU NSĐP			TỔNG SỐ	TĐ: THU NSĐP			TỔNG SỐ	TĐ: THU NSĐP			
			TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ		TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ		TỔNG	NS CẤP TỈNH	NS HUYỆN, XÃ	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	9.700.000				9.532.700				-167.300				98%
2	Thuế xuất khẩu	250.000				218.400				-31.600				87%
3	Thuế nhập khẩu	1.150.000				144.000				-1.006.000				13%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng nhập khẩu					750				750				
5	Thuế bảo vệ môi trườngtừ hàng nhập khẩu					9.360				9.360				

Biểu số 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN , CHI NSDP NĂM 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	ƯTH thu NSNN cả năm	SS UTH cả năm/DT	Dự toán NSHX tính giao	thực hiện chi NS huyện 10 tháng	SS ước TH/DT (%)
A	B	1	11	12	13	14	15
	Tổng số	6.684.845	8.255.338	123%	17.053.083	15.811.204	93%
1	TP. Thanh Hóa	2.378.278	2.518.688	106%	2.035.147	1.977.600	97%
2	TP. Sầm Sơn	376.536	470.682	125%	502.753	454.900	90%
3	TX. Bim Sơn	206.090	215.506	105%	229.540	205.556	90%
4	H. Hà Trung	164.437	212.592	129%	493.732	437.278	89%
5	H. Nga Sơn	280.759	376.800	134%	730.218	658.500	90%
6	H. Hậu Lộc	294.682	299.988	102%	790.869	728.111	92%
7	H. Hoằng Hóa	468.154	644.047	138%	1.079.258	967.083	90%
8	Quảng Xương	272.124	402.028	148%	746.734	725.612	97%
9	H. Tĩnh Gia	271.166	317.360	117%	911.684	848.626	93%
10	Nông Cống	149.042	277.245	186%	614.608	600.556	98%
11	H. Đông Sơn	192.489	260.506	135%	419.009	401.667	96%
12	H. Triệu Sơn	194.151	336.570	173%	757.793	675.333	89%
13	H Thọ Xuân	186.957	375.812	201%	861.620	775.833	90%
14	H. Yên Định	270.042	344.857	128%	652.029	628.778	96%
15	H. Thiệu Hóa	170.760	200.425	117%	583.267	534.667	92%
16	H. Vĩnh Lộc	155.324	178.306	115%	457.291	453.911	99%
17	Thạch Thành	78.264	85.717	110%	627.873	593.083	94%
18	H. Cẩm Thủy	135.614	189.247	140%	529.557	475.333	90%
19	H. Ngọc Lặc	68.975	72.179	105%	587.563	517.556	88%
20	Như Thanh	111.927	133.976	120%	507.421	472.556	93%
21	Lạng Chánh	15.597	23.578	151%	320.378	292.778	91%
22	Bá Thước	37.919	56.538	149%	581.231	534.222	92%
23	Quan Hóa	49.559	67.940	137%	360.885	326.444	90%
24	Thường Xuân	59.946	95.595	159%	613.209	543.556	89%
25	Như Xuân	77.088	56.134	73%	416.351	380.889	91%
26	H. Mường Lát	6.639	11.537	174%	299.662	282.000	94%
27	H. Quan Sơn	12.326	31.482	255%	343.400	318.778	93%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	SỐ SÁNH ƯỚC TH VỚI DT NĂM (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	30.277.901	33.050.697	109%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	26.829.719	29.492.771	110%
I	Chi đầu tư phát triển	5.461.760	6.888.372	126%
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.949.760	6.372.630	129%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	30.000	30.000	100%
3	Chi đầu tư phát triển khác	482.000	485.742	101%
II	Chi thường xuyên	20.862.142	22.009.100	105%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.050.993	9.069.898	100%
2	Chi khoa học và công nghệ	115.497	115.497	100%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.524.710	2.558.561	101%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	394.220	410.952	104%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	385.497	372.078	97%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.187.548	2.952.383	135%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	3.771.317	3.772.376	100%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.490.138	1.588.214	107%
11	Đề án XD chính quyền điện tử	500.000	723.302	145%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230	100%
V	Dự phòng ngân sách	502.587	592.070	118%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	3.448.182	3.557.925	103%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.596.141	1.616.097	101%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.332.634	1.417.121	106%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	519.407	524.707	101%

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG TRONG DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2019**

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tờ trình, Quyết định
I	Tổng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019	338.724	
II	Số đã sử dụng	338.641	
1	Hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất cho ngư dân huyện Tĩnh Gia gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển	214	394/QĐ-UBND; 25/1/2019
2	Hỗ trợ nông dân khắc phục thiệt hại do bão số 10 gây ra đối với sản xuất nông nghiệp từ ngày 15-17/9/2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	3.837	815/QĐ-UBND; 6/3/2019
3	Ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	6.859	857/QĐ-UBND; 8/3/2019
4	Hỗ trợ kinh phí khôi phục, phát triển sản xuất cho ngư dân huyện Quảng Xương gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển	77	1101/QĐ-UBND; 29/3/2019
5	Điều động phương tiện phục vụ công tác khắc phục hậu quả sau mưa lũ năm 2018 tại huyện Quan Hóa và huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa	144	1182/QĐ-UBND; 4/4/2019
6	Thực hiện bồi thường, GPMB dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý, huyện Quảng Xương	294	1736/QĐ-UBND; 10/5/2019
7	KP khắc phục khẩn cấp các tuyến đường tỉnh do mưa lũ gây ra từ ngày 28-31/8/2018 trên địa bàn miền núi do Sở GTVT thực hiện	28.198	1704/QĐ-UBND; 8/5/2019
8	Ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019	7.260	1757/QĐ-UBND; 13/5/2019
9	Hỗ trợ kinh phí bồi thường cây cối, hoa màu; đất đai và vật kiến trúc dự án sửa chữa kênh Pom Buôi từ bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi về thị trấn Mường Lát.	918	2227/QĐ-UBND; 11/6/2019
10	Hỗ trợ kinh phí cho các hộ dân khắc phục hậu quả do lốc, sét và mưa đá gây ra trong các ngày 21, 25, 26 và 28 tháng 4 năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	4.539	2308/QĐ-UBND; 13/6/2019
11	Tạm ứng kinh phí hỗ trợ thiệt hại cho hộ sản xuất do lợn mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	17.412	2053/QĐ-UBND; 31/5/2019
12	Hỗ trợ cho 36 hộ dân ngoài mốc giải phóng mặt bằng, bị ảnh hưởng bởi dự án Khu neo đậu, tránh trú bão tàu thuyền nghề các Lạch Bạng, huyện Tĩnh Gia	1.159	2786/QĐ-UBND; 12/7/2019
13	Hỗ trợ kinh phí khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai, sửa chữa đập, kênh Na Chùa, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	2.000	2319/QĐ-UBND; 14/6/2019

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tờ trình, Quyết định
14	KP thực hiện công tác ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019	12.640	2685/QĐ-UBND; 4/7/2019
15	Hỗ trợ thiệt hại cho hộ sản xuất do lợn mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 2)	90.458	2852/QĐ-UBND; 18/7/2019
16	Khắc phục các tuyến đường hư hỏng do bão lụt gây ra	17.400	2064/QĐ-UBND; 03/6/2019
17	Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã (đoạn K39+350-K39+550) thuộc địa phận phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	12.000	2744/QĐ-UBND; 10/7/2019
18	Hỗ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình bị thiệt hại do mưa lũ gây ra năm 2018	27.200	2926/QĐ-UBND; 23/7/2019
19	Hỗ trợ kinh phí khôi phục, phát triển sản xuất cho ngư dân huyện Nga Sơn và huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển năm 2019	203	3078/QĐ-UBND; 31/7/2019
20	Hỗ trợ KP bồi thường GPMB để phục vụ dự án xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão lũ năm 2017	907	3353/QĐ-UBND; 22/8/2019
21	Thanh toán nhu yếu phẩm thiết yếu huy động khẩn cấp để cứu trợ cho nhân dân trên địa bàn huyện Quan Sơn, huyện Mường Lát bị ảnh hưởng do cơn bão số 3 năm 2019	876	3358/QĐ-UBND; 22/8/2019
22	Xử lý, khắc phục khẩn cấp hư hỏng các tuyến đường và hỗ trợ khắc phục thiệt hại cho huyện Quan Sơn, Mường Lát bị ảnh hưởng do cơn bão số 2 và 3 năm 2019	53.000	3732/QĐ-UBND; 18/9/2019
23	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	930	3392/QĐ-UBND; 26/8/2019
24	Kinh phí thực hiện ngăn chặn và ứng phó khẩn cấp với dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh năm 2019 (đợt 4)	12.316	3877/QĐ-UBND; 26/9/2019
25	Kinh phí khôi phục, phát triển sản xuất cho ngư dân huyện Hậu Lộc và huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển năm 2019	216	3713/QĐ-UBND; 17/9/2019
26	Tạm cấp KP hỗ trợ thiệt hại (đợt 3) và hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh ở lợn do mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh	37.584	4060/QĐ-UBND; 7/10/2019
III	Nguồn dự phòng còn lại (I-II)	83	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH ĐẾN 30/11/2019*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tờ trình, Quyết định
1	Số dư tại thời điểm 31/12/2018	232.694	
2	Bổ sung trong năm 2019	5.562	
-	Bổ sung từ dự toán 2019	3.230	
-	Lãi 3 quý đầu năm	2.332	
3	Sử dụng trong năm	137.457	
-	Hỗ trợ thiệt hại (đợt 3) và hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh ở lợn do mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh	25.334	4060/QĐ-UBND; 07/10/2019
-	Hỗ trợ các hộ dân khắc phục thiệt hại do cơn bão số 2 và số 3 gây tra đổi với sản xuất nông nghiệp	5.332	4310/QĐ-UBND; 21/10/2019
-	Hỗ trợ kinh phí thiệt hại (đợt 4) do mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn châu phi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	106.791	4704/QĐ-UBND; 12/11/2019
4	Số dư đến ngày 30/11/2019	100.799	